

III - NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA

I. Phân Lịch sử thế giới (LSTG)

Phân <i>Lịch sử thế giới</i> lớp 10 được dạy học trong	31 tiết
– LSTG thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại	16 tiết
– LSTG cận đại	15 tiết
Cụ thể :	
– Lịch sử thế giới thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại	
<i>Chương I.</i> Xã hội nguyên thủy	2 tiết
<i>Chương II.</i> Xã hội cổ đại	4 tiết
<i>Chương III.</i> Trung Quốc thời phong kiến	2 tiết
<i>Chương IV.</i> Ấn Độ thời phong kiến	2 tiết

<i>Chương V. Đông Nam Á thời phong kiến</i>	2 tiết
<i>Chương VI. Tây Âu thời trung đại</i>	3 tiết
Ôn tập	1 tiết
– Phần Lịch sử thế giới cận đại	
Gồm 3 chương :	
<i>Chương I. Các cuộc cách mạng tư sản</i> (Từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)	4 tiết
<i>Chương II. Các nước Âu – Mĩ</i> (Từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)	6 tiết
<i>Chương III. Phong trào công nhân</i> (Từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)	5 tiết

2. Phần Lịch sử Việt Nam (LSVN)

Phần Lịch sử Việt Nam lớp 10 được dạy học trong 16 tiết bao quát tiến trình lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX. Ngoài ra có 2 tiết lịch sử địa phương.

Cụ thể, gồm 4 chương và 2 bài sơ kết :

Chương I. Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X 4 tiết

– Từ khi con người xuất hiện trên đất Việt Nam, trải qua các giai đoạn của xã hội nguyên thủy đến khi hình thành 3 quốc gia cổ đại Văn Lang – Âu Lạc, Lâm Ấp – Cham-pa và Phù Nam.

– Việt Nam thời Bắc thuộc và đấu tranh chống Bắc thuộc.

Chương II. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV 4 tiết

– Khái quát một cách hệ thống quá trình hình thành, phát triển quốc gia phong kiến Việt Nam độc lập về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự và văn hoá.

Chương III. Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII 4 tiết

Khái quát một cách hệ thống quá trình chuyển biến của quốc gia Việt Nam từ chia cắt đến thống nhất trên tất cả các mặt.

Chương IV. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX 2 tiết

– Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá dưới triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỉ XIX.

– Tình hình xã hội và phong trào đấu tranh của nhân dân.

Sơ kết Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX 2 tiết

Gồm 2 bài về Quá trình dựng nước, giữ nước và Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến.

3. Cấu trúc chung

Nội dung được chia theo chương, bài, mục.

Trong SGK *Lịch sử 10*, 9 chương phần LSTG và 4 chương phần LSVN, mỗi chương gồm 2–4 bài ; nhìn chung mỗi bài được dạy trong 1 tiết, một số ít bài dạy trong 2 tiết.

Mỗi bài thường gồm 3 mục, một số bài có 2 mục hoặc 4 mục.

Cấu trúc của mỗi bài gồm :

- Mở đầu : Giới thiệu khái quát về những nét chính của bài học.
- Các mục chính : Ngoài phần sự kiện, có câu hỏi và có thể có tranh ảnh giúp cho việc học tập.
- Câu hỏi và bài tập ở nhà.

Ngoài ra, SGK còn có 1 tiết ôn tập lịch sử thế giới thời nguyên thủy, cổ đại và trung đại và 2 tiết sơ kết lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX.

4. Phương pháp

SGK được viết theo phương hướng đổi mới, chủ yếu thông qua sự kiện và tranh ảnh, để nêu một cách khái quát, hệ thống tiến trình lịch sử về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá. HS kết hợp SGK, bài học trên lớp, sưu tầm tài liệu tham khảo chủ yếu để nắm nội dung bài.

Các nhận định, luận điểm có tính áp đặt được giảm bớt, ở một số bài được thay bằng câu hỏi nhằm tạo điều kiện cho HS tự học.

Khi chuẩn bị bài giảng, GV vẫn rất cần tham khảo, đối chiếu với SHS và SGV chương trình Nâng cao, vì có nhiều điểm trình bày sơ giản ở lớp 10 chương trình Chuẩn lại được giải thích, nói rõ hơn ở SHS và SGV lớp 10 chương trình Nâng cao.

5. Những điểm mới và khó

a) Phần Lịch sử thế giới

Nói chung các tri thức LSTG đều mới và khó, ít được biết qua sách, tranh ảnh, càng hiếm có để quan sát, tiếp xúc, nhất là do yêu cầu đổi mới, khá nhiều nội dung

mới so với trước đây được đưa vào SGK (thời đá mới, thời kim khí, Ấn Độ, Đông Nam Á v.v...), song cũng chính vì thế mà kích thích tính tò mò của HS.

SGK đã cố gắng trình bày chính xác, cụ thể để HS dễ hiểu, một phần được thay bằng biểu đồ, sơ đồ và tranh ảnh.

SGV cũng gợi ý GV sử dụng hình trong sách của trường ĐHSP, sưu tầm tranh ảnh, giảng trong phòng bộ môn (có hiện vật, ảnh, bản đồ) và gợi ý GV sử dụng một vài đĩa CD trong việc giảng dạy.

b) Phân Lịch sử Việt Nam

Việc dạy – học lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến năm 1858 trong một thời lượng ngắn (16 tiết) không thể thực hiện như ở chương trình THCS, thậm chí không như ở lớp 10 – chương trình Nâng cao mà phải thực hiện dưới dạng hệ thống hoá ngắn gọn. Điều này vừa mới lại vừa khó, nhất là khi theo yêu cầu của chương trình chung, phải góp phần củng cố và nâng cao nhận thức của HS.

Để giải quyết khó khăn nói trên, GV cần có sự nhận thức hệ thống về quá trình phát triển và biến đổi của lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX trải qua các thời kì nguyên thủy, buổi đầu dựng nước, đấu tranh chống chế độ đô hộ của các thế lực phong kiến phương Bắc, phong kiến độc lập từ giai đoạn hình thành cho đến giai đoạn suy vong. Trên cơ sở đó, hiểu được tiến trình phát triển khá đặc thù của lịch sử dân tộc cũng như cuộc đấu tranh kiên cường của dân tộc để giữ vững sự tồn tại độc lập của Tổ quốc qua biết bao biến động cực kì khó khăn, phức tạp. Đây cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước trước thế kỉ XX.

Phần cụ thể sẽ trình bày rõ hơn, phù hợp với nội dung của SGK.